

Bản án số: **66/2022/HS-PT**

Ngày: 21-3-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Nguyễn Cường**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 75/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Cao Minh T cùng đồng phạm bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Giết người”. Do có kháng cáo của các bị cáo, của đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 06 - 01 - 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Cao Minh T, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1998 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn T (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Tấn Q, sinh ngày 24 tháng 04 năm 1992 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Võ Văn H (sinh

năm: 1955) và bà Lương Thị T (sinh năm: 1962); có vợ là Phan Minh T và 02 người con (con lớn nhất 10 tuổi, con nhỏ nhất 01 tuổi); tiền án: 03; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Hoàng A, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2001 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Phạm T (sinh năm: 1975) và bà Phạm Thị Kim O (sinh năm: 1977); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đức Việt Đ, sinh ngày 12/2/2005 tại tỉnh Kon Tum; Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội (19/11/2020) bị cáo 15 tuổi 9 tháng 7 ngày; nơi cư trú: tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Thành N và bà Y; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/4/2021 bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo về hành vi “Sử dụng súng tự chế”; vào ngày 17/6/2021 đã bị TAND thành phố Kon Tum xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 04 tháng 27 ngày) - Có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ: Ông Nguyễn Đức Thành N và bà Y. Có mặt.*

- *Người bào chữa:*

+ *Người bào chữa của các bị cáo Võ Tấn Q, Nguyễn Cao Minh T, Phạm Hoàng A: Luật sư Hoàng Minh T – Văn phòng luật sư M, Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum. Có mặt.*

Trú tại: tỉnh Kon Tum.

+ *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ: Luật sư Tạ Văn N – thuộc văn phòng luật sư S, Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum. Có mặt.*

Trú tại: tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22h ngày 19/11/2020, Võ Tấn Q đang uống rượu tại quán vỉa hè ở khu vực ngã tư đường S và đường H, thành phố K cùng Nguyễn Cao Minh T và vợ Phan Minh T thì nhận được điện thoại của Nguyễn Xuân H (thường gọi là H Ven). Qua điện thoại, H hỏi Q: sao kêu mấy đứa nhỏ trong đó có Nguyễn

Đức Việt Đ xuống nhà H đập phá xe mô tô và nói Q đưa những người này đến gặp H nói chuyện. Q trả lời là đang nhậu, không liên quan đến việc đập phá xe của nhóm Đ với H. H nói nếu không đưa Đ đến gặp thì H sẽ lên tìm Q. Nghe vậy, Q đã gọi điện thoại cho Đ, thì được Đ kể lại: có cùng một nhóm thanh niên ở xã H đi tìm nhóm thanh niên ở xóm V để đánh nhau nhưng do nhóm này bỏ chạy nên đã đập phá xe mô tô để ở đường M. Q nói cho Đ biết việc H gọi điện và yêu cầu Q phải đưa Đ đến gặp để nói chuyện, nếu không H sẽ đến tìm Q. Nghĩ có thể xảy ra đánh nhau nên Đ đi về và đến khu vực bến xe gọi Phạm Hoàng A đang nhậu ở nhà một người quen về nhà mình lấy 01 khẩu súng tự chế giấu trong người rồi đi đến nhà Q. Khi nghe Q nói chuyện điện thoại cãi nhau căng thẳng và thách thức nhau thì T được Q kể lại toàn bộ sự việc. Biết việc, T nghĩ có thể xảy ra đánh nhau liền nói: “để em về lấy cây đồ”. Nghe nói vậy, Q biết là T đi lấy súng vì trước đó T có kể cho Q việc T có một khẩu súng AK nhưng Q không nói gì. Lúc này, Q chở T về nhà, còn T điều khiển xe mô tô đi về nhà lấy một khẩu súng AK và dùng một tấm vải mỏng quấn súng lại lấy hộp tiếp đạn có 04 viên đạn cất vào túi quần. T đặt khẩu súng phía trước ngực và mặc áo khoác che lại rồi điều khiển xe đến nhà T, thì gặp Q, Đ, A ở trước nhà. T gửi xe mô tô lại nhà T rồi ngồi sau xe mô tô do Q điều khiển, A chở Đ đi bằng xe của Đ đi ra đường H rồi đến khu vực bờ kè thảo cầm viên. Tại đây, có thêm 01 nhóm thanh niên do Đ gọi điện thoại rủ thêm đi đến. Khi đang ở bờ kè thì Q nhận được điện thoại của T nói có một nhóm thanh niên cầm dao, gây đi xe mô tô qua lại ngang nhà T. Cho rằng nhóm của H đến nhà tìm, Q cùng cả nhóm đi ra đường T, khi đi đến ngã tư T – S, Q nhìn về phía nhà T nhưng không thấy ai nên đã rẽ vào đường N, ra đường T rồi đi ra đường P, đi ra khu vực bến xe để tìm nhóm của H nhưng không thấy. Cả nhóm quay lại và rẽ vào đường D. Q chở T đi qua khu vực ngã ba đường Đ – D thì thấy có một nhóm thanh niên cầm theo dao, gây gộc hò hét đi từ phía sau. T đoán nhóm người kia là nhóm của H nên đã lấy hộp tiếp đạn lắp vào súng, lên đạn và bắn 2 phát liên tục hướng lên trời để dọa; Nguyễn Đức Việt Đ cũng lấy súng ra hướng lên trời bắn 01 phát. Sau khi bắn, thấy nhóm này vẫn đuổi theo nên T đã hướng nòng súng về phía nhóm thanh niên phía sau bắn một phát. Viên đạn do T bắn đã trúng vào bụng Trần Đức T đang điều khiển xe mô tô đi phía sau cùng chiều chở theo Nguyễn Đồng K cách T khoảng 25m. Lúc này nhóm thanh niên kia không đuổi theo nhóm của T nữa. Q tiếp tục chở T đi vào đường V thì dừng xe lại. T gọi điện nói cho Nguyễn Thành G biết là vừa mới xảy ra việc dùng súng bắn nhóm của H. G đi đến gặp T nói chuyện và G rủ T chở quay lại nơi đã bắn súng xem thế nào. T chở G quay lại hiện trường, G nhìn thấy có 01 vỏ đạn ở gần dải phân cách đường D nên đã xuống xe nhặt vỏ đạn này cất vào túi rồi đi về lại đường V. Lúc này, có lực lượng Cảnh sát 113 đến gần nên T đã rút khẩu súng AK vào lùm cây

bên đường, Q cũng để xe mô tô lại rồi bỏ chạy. Sau khi lực lượng Cảnh sát 113 đi khỏi, Đ đã đến vị trí cất giấu súng và lấy súng đi. T quay lại tìm súng thì có một nam thanh niên (chưa xác định được lai lịch) nói cho T biết Đ đã lấy súng đi cất.

Sau khi lấy súng, A điều khiển xe mô tô chở Đ cầm súng ngồi phía sau đem về nhà Đ dùng túi nilon quấn 02 khẩu súng lại, dùng dây nhựa buộc chặt rồi đặt vào túi da màu đen kèm theo 02 viên đạn thể thao và 02 viên đạn AK (loại túi dùng để đựng đàn ghita). Đ gọi điện cho G hỏi xem nên cất súng ở đâu thì G nói cứ đưa cho G. A điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi sau cầm túi đựng súng đi đến nhà G và đưa túi đựng súng cho G. G mở túi da ra và nhìn thấy có 01 khẩu súng AK và 01 súng tự chế. Sau đó G đem túi đựng súng đến cất giấu tại khu vực nghĩa địa P, xã Vinh Q, TP. K, tỉnh Kon Tum.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành khám xét nhà ở của Nguyễn Đức Việt Đ và thu giữ 01 khẩu súng tự chế; bốn viên đạn.

Tại bản giám định số 1271/C09C-Đ1 ngày 03/12/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

Vật bằng kim loại màu đen dài 39,8cm gửi giám định là súng tự chế, hiện tại không sử dụng được nên không phải là vũ khí. Không tìm thấy ký tự đóng chìm trên súng.(đây là súng thu giữ tại nhà của Đ trong quá trình khám xét)

Khẩu súng dài 88,3cm gửi giám định là súng AK cỡ nòng 7,62mm, hiện tại còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng. (đây là khẩu súng mà T đã sử dụng bắn trúng anh T).

Khẩu súng dài 19,3cm gửi giám định là súng tự chế, hiện tại sử dụng bắn được và thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí thể thao. Không tìm thấy ký tự đóng chìm trên súng. (đây là khẩu súng của Đ)

Bốn viên đạn gửi giám định gồm:

+ Hai viên, đầu đạn có cùng ký hiệu “539 80” là đạn cỡ (7, 62 x 39) mm, hiện còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng.

+ Hai viên đạn, đầu đạn có cùng ký hiệu “C” là đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm, hiện còn sử dụng được và thuộc vũ khí thể thao (đây là các viên đạn do Đ đưa cho G cất giữ cùng hai khẩu súng).

Vật bằng kim loại không rõ hình dạng gửi giám định là đầu đạn của loại đạn cỡ (7,62 x 39)mm và do khẩu súng nêu trên bắn ra. Đạn cỡ (7,62 x 39) thuộc vũ khí quân dụng (đây là đầu đạn được thu giữ từ dạ dày của anh T).

Khẩu súng T sử dụng sau đó được Đ, A và G cất giấu là súng AK, thuộc vũ khí quân dụng. Đầu đạn trong dạ dày Trần Đức T do khẩu súng AK của T bắn ra.(Bút lục số: 184-185)

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 176/TgT-TTPY ngày 01/12/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum kết luận đối với thương tích của anh Trần Đức T: Vùng hạ sườn trái có vết thương kích thước trung bình còn chỉ khâu, thủng dạ dày đã phẫu thuật, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 32% (ba mươi hai phần trăm).

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định.

1. Tuyên bố:

1- Bị cáo Nguyễn Cao Minh T phạm tội “Giết người; Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Minh T 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Minh T 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt với bị cáo Nguyễn Cao Minh T: 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/11/2020).

2- Bị cáo Võ Tấn Q phạm tội “Giết người”

Áp dụng: điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Tấn Q 11 (mười một) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/11/2020).

3- Bị cáo Phạm Hoàng A phạm tội “Giết người; Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng A 09 (chín) năm tù về tội “Giết người”

Áp dụng: khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng A 22 (hai mươi hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt với bị cáo Phạm Hoàng A: 10 năm 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 30/11/2020).

4-Bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ phạm tội “Giết người”

Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 102; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”.

Áp dụng Điều 104 BLHS Tổng hợp hình phạt với bản án số 67/2021/HS-ST ngày 17/6/2021 của TAND thành phố Kon Tum: buộc bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án là: 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/11/2020.

5- Bị cáo Nguyễn Thành G phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành G 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/11/2020.

Bản án còn quyết định xử lý vật chứng, và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại.

Trong hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Cao Minh T, Võ Tấn Q, Phạm Hoàng A, Nguyễn Đức Việt Đ, cùng đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo, đại diện cho bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn xin kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Cao Minh T, Võ Tấn Q, Phạm Hoàng A. Chấp nhận đơn kháng cáo của Nguyễn Đức Việt Đ, và kháng cáo của ông Nguyễn

Đức Thành N và bà Y là đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ, giảm hình phạt cho bị cáo Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đêm ngày 19/11/2020, bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ cùng một nhóm thanh niên ở xã H đi tìm nhóm thanh niên ở xóm V để đánh nhau và đập phá xe mô tô của anh Nguyễn Xuân H (H Ven) để ở đường Mạc Đình Chi. Sau đó, bị cáo Phạm Hoàng A chở bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ mang theo súng thể thao, bị cáo Võ Tấn Q chở bị cáo Nguyễn Cao Minh T mang theo súng AK, cùng khoảng 5-6 người đi tìm nhóm thanh niên V (nhóm H Ven) để đánh nhau. Đến khu vực ngã ba đường Đ – D, thấy có nhóm thanh niên V đang đuổi theo từ phía sau, nên T dùng súng AK bắn hai phát lên trời, 01 phát ra phía sau hướng về phía nhóm thanh niên, Đ dùng súng thể thao bắn ra sau. Hậu quả: anh Trần Đức T bị trúng đạn của khẩu súng AK do T bắn với thương tích 32% (theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 176/TgT-TTPY ngày 01/12/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum).

[2] Xét hành vi phạm tội của từng bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] T đã dùng súng AK bắn anh T. Hậu quả: anh Trần Đức T bị trúng đạn của khẩu súng AK do T bắn với thương tích 32%. Q biết rõ và thống nhất với T việc về nhà lấy súng với mục đích đi đánh nhóm thanh niên V, trực tiếp chở T khi T dùng súng AK bắn anh Trần Đức T.

Đối với Nguyễn Đức Việt Đ: bị cáo Đ thừa nhận: đi cùng với nhóm T, Q tìm nhóm H Ven để đánh nhau, khi thấy nhóm thanh niên hò hét đuổi theo ở phía sau, bị cáo Đ xác định đấy là nhóm của H Ven. Đ là nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa nhóm của T, Q và nhóm thanh niên V, Đ đã nói cho T, Q về việc mâu thuẫn này và chủ động về nhà lấy súng thể thao mang theo người với mục đích tìm nhóm V đánh nhau, đã bắn 01 phát súng về phía sau ngay sau khi T bắn 02 phát súng lên trời. Bị cáo Phạm Hoàng A: thừa nhận: chở bị cáo Đ đi

về nhà lấy súng (súng thể thao), đạn và chở bị cáo Đ đi cùng T, Q tìm nhóm H Ven để đánh nhau. Phạm Hoàng A trực tiếp chở Đ khi Đ dùng súng bắn về phía sau ngay sau khi T dùng súng AK bắn. Phạm Hoàng A còn có hành vi mang khẩu súng AK của T đi cất giấu.

[2.2] Với những hành vi và hậu quả nêu trên; Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo; Nguyễn Cao Minh T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Tấn Q về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n, p khoản 1 Điều 123 BLHS; các bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ và Phạm Hoàng A về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS; các bị cáo Nguyễn Thành G và Phạm Hoàng A về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và của đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với đơn kháng cáo của Nguyễn Đức Việt Đ và của đại diện hợp pháp cho bị cáo thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 09 tháng 07 ngày, bị cáo phạm tội cùng với các đồng phạm khác thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 57 BLHS. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù về tội “Giết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 BLHS, là có vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật để xét xử người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt theo quy định tại khoản 2 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Hình phạt tù có thời hạn được quy định tại Điều 101 BLHS 2015 như sau:

“Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù”;

Điều 102. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt.

3. “Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá 1 phần 3 mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 100 và 101 của Bộ luật này”.

Đáng lẽ Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với hình phạt của bị cáo Đ để xét xử lại cho đúng quy định của pháp luật; Tuy nhiên xét thấy; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo, nên thiết nghĩ không cần phải hủy án sơ thẩm mà Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp cho bị cáo, cùng với việc điều chỉnh lại mức án cho đúng với quy định của pháp luật, việc xét xử bị cáo 04 năm tù là mức cao nhất đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội chưa đạt. **Đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử sơ thẩm phải nghiêm túc rút kinh nghiệm vì những sai phạm nêu trên để tránh tái diễn.** Do vậy đơn kháng cáo của bị cáo Đ và đại diện hợp pháp cho bị cáo là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Cao Minh T và Phạm Hoàng A xét thấy; Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội, phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đồng thời áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đánh giá nhân thân của các bị cáo để áp dụng xử phạt: Bị cáo Nguyễn Cao Minh T 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người” 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” bị cáo Phạm Hoàng A 09 (chín) năm tù về tội “Giết người” 22 (hai mươi hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là có căn cứ đúng pháp luật, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo T và A không có căn cứ được chấp nhận.

[3.3] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Võ Tấn Q xét thấy: Trong vụ án này bị cáo Q đồng phạm với bị cáo T, bị cáo Q có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 11 năm tù là có phần nghiêm khắc so với các bị cáo khác, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để đảm bảo tính công bằng trong hình phạt. Hình phạt tù còn lại của bị cáo Q sau khi giảm vẫn đảm bảo cao hơn mức án của bị cáo A và Đ.

[4] Về án phí: các bị cáo T, A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Cao Minh T, Phạm Hoàng A.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Võ Tấn Q, Nguyễn Đức Việt Đ và kháng cáo của ông Nguyễn Đức Thành Nam, bà Y Ngum. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 06 - 01 - 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Cao Minh T phạm tội “Giết người; Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Minh T 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Minh T 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt với bị cáo Nguyễn Cao Minh T: 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/11/2020).

- Bị cáo Võ Tấn Q phạm tội “Giết người”

Áp dụng: điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Tấn Q 10 (mười) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/11/2020).

- Bị cáo Phạm Hoàng A phạm tội “Giết người; Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng A 09 (chín) năm tù về tội “Giết người”

Áp dụng: khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng A 22 (hai mươi hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt với bị cáo Phạm Hoàng A: 10 năm 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 30/11/2020).

- Bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ phạm tội “Giết người”

Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; 57, khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 102; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ 04 (bốn) năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng Điều 104 BLHS Tổng hợp hình phạt với bản án số 67/2021/HS-ST ngày 17/6/2021 của TAND thành phố Kon Tum: buộc bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án là: 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/11/2020.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Cao Minh T, Phạm Hoàng A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tp Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành